

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty TNHH MTV Dược Enlie (công ty con) (gọi chung là “Tập đoàn”).

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Dược Enlie đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 3700683163, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

Tên tiếng Anh: ENLIE PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ENLIE PHARMA.

Trụ sở chính: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2021 là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên

Ông Phan Thanh Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông An Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Minh Trí	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên

Ông An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tuấn	Giám đốc sản xuất

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam ("DFK") được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021

Chữ ký và đại diện Ban Tổng Giám đốc



AN MẠNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Số: 197/2021/BCHNSX-DFK

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Enlie ("Công ty"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2021, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 1082-2018-042-1

316
TY
AN
C
E
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.753.068.225	30.278.603.935
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	2.003.608.623	4.534.410.115
1 . Tiền	111		2.003.608.623	4.534.410.115
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		11.248.692.348	9.752.384.841
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.361.722.249	8.954.677.239
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	297.003.208	1.085.465.543
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.032.578.838	150.759.700
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(442.611.947)	(442.611.947)
5 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.094.306
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	V.6	26.210.003.221	14.500.158.530
1 . Hàng tồn kho	141		26.245.515.706	14.535.671.015
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.512.485)	(35.512.485)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.290.764.033	1.491.650.449
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	487.729.496	332.341.958
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.14a	1.800.769.349	1.094.587.666
3 . Thuế và các khoản khác phải thu ngắn hạn	153	V.14b	2.265.188	64.720.825
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.434.522.485	38.830.043.633
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		90.555.000	90.555.000
1 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	90.555.000	90.555.000
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		28.939.017.265	27.989.812.041
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	28.939.017.265	27.914.185.857
- Nguyên giá	222		79.940.169.967	79.247.292.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.001.152.702)	(51.333.106.910)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	75.626.184
- Nguyên giá	228		319.090.900	394.717.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.090.900)	(319.090.900)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		5.667.053.636	5.413.914.545
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.667.053.636	5.413.914.545
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		5.737.896.584	5.335.762.047
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.737.896.584	5.304.462.931
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	31.299.116
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82.187.590.710	69.108.647.568

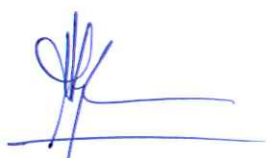
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	100		38.670.250.231	23.171.220.688
I . Nợ ngắn hạn	310		35.140.045.893	19.493.595.624
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.904.338.795	8.314.612.781
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.969.491.691	917.484.523
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13c	106.743.727	44.195.647
4 . Phải trả người lao động	314	V.14	1.548.920.380	1.232.970.140
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315		32.500.000	748.668.010
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.751.880.149	4.326.607.732
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16ab	16.099.803.545	3.180.122.801
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		726.367.606	728.933.990
II . Nợ dài hạn	330		3.530.204.338	3.677.625.064
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	410.379.168	651.789.168
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16c	3.119.825.170	3.025.835.896
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.517.340.479	45.937.426.880
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.17	43.517.340.479	45.937.426.880
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		24.103.060	24.103.060
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.506.762.581)	(14.086.676.180)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.094.609.796)	(2.594.533.447)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.412.152.785)	(11.492.142.733)
4 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82.187.590.710	69.108.647.568



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
 Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.453.971.919	22.488.042.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		108.204.663	486.594.766
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	30.345.767.256	22.001.447.629
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.534.092.407	19.995.570.054
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.811.674.849	2.005.877.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.015.568	683.078.721
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	395.549.892	150.251.068
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		348.425.792	138.926.068
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.042.330.597	1.930.046.950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.503.721.876	4.688.395.922
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.094.911.948)	(4.079.737.644)
11. Thu nhập khác	31		2.038.696.478	265.395.428
12. Chi phí khác	32		19.110	(6.744.243)
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	2.038.677.368	272.139.671
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(2.056.234.580)	(3.807.597.973)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.1	324.619.089	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8.2	31.299.116	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.412.152.785)	(3.807.597.973)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(402)	(635)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(402)	(635)



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VNĐ	
		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(2.056.234.580)	(3.807.597.973)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.168.355.831	1.760.228.576
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.029.723.887)	(682.698.721)
- Chi phí lãi vay	06	348.425.792	138.926.068
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.569.176.844)	(2.591.142.050)
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(2.108.734.437)	(1.553.026.293)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(11.709.844.691)	(550.751.760)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	2.331.859.436	(3.625.533.743)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(588.821.191)	227.639.854
- Tiền lãi vay đã trả	14	(348.425.792)	(138.926.068)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(198.441.732)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.202.085.251)	(8.231.740.060)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.807.885.684)	(31.500.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.463.723.457	16.000.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	10.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.185.968	683.078.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(340.976.259)	10.667.578.721
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	20.060.466.272	11.326.438.545
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.046.796.254)	(9.810.107.314)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.410.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.012.260.018	1.516.331.231
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.530.801.492)	3.952.169.892
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.534.410.115	1.214.384.763
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2.003.608.623	5.166.554.655



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
 Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Dược Enlie đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 3700683163, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Trụ sở chính: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2021: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và công ty con là Công ty TNHH MTV Dược Enlie chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất đầy đủ trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty TNHH MTV Dược Enlie có trụ sở chính tại số: 311, Tổ 88, KP6, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm. Tài ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2021: 186 nhân viên.

7. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào công ty con được thành lập theo quy định của pháp luật phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu. Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Tài sản cố định và khấu hao

8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp tài sản cố định hữu hình mua sắm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất và công cụ dụng cụ tại văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 35 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17,5% và 8% từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên, Công ty trích kinh phí công đoàn vào chi phí là 2% và 1% đoàn phí từ lương công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Thành viên hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

163
TY
ÁN
E
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Tiền mặt	213.906.764	166.422.311
+ VNĐ	213.906.764	166.422.311
- Tiền gửi ngân hàng	1.789.701.859	4.367.987.804
+ VNĐ	1.789.152.079	4.367.438.024
+ USD	549.780	549.780
Cộng	2.003.608.623	4.534.410.115

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	8.168.210.524	8.172.259.338
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Quận 10	1.232.381.691	1.576.600.200
- Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	1.743.948.183	1.743.948.183
- Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Pharmacity	1.671.564.325	1.085.758.444
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.520.316.325	3.765.952.511
b. Phải thu từ bên liên quan ngắn hạn	2.193.511.725	782.417.901
- Công ty CP Dược An Đông	655.238.502	782.417.901
- Công ty CP Dược Đại Nam	1.538.273.223	-
Cộng	10.361.722.249	8.954.677.239

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn	297.003.208	1.085.465.543
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động ACS	102.788.950	-
- Công ty TNHH XD và TM Tổng hợp Sông Châu	-	685.575.200
- Công Ty TNHH TM XD PCCC Bình Gia Phát	-	224.750.000
- Trả trước cho người bán khác	194.214.258	175.140.343
Cộng	297.003.208	1.085.465.543

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu khác ngắn hạn	1.032.578.838	-	150.759.700	-
- Tạm ứng	1.006.736.448	-	150.759.700	-
+ Trương Chí Dũng	495.029.760	-	17.191.400	-
+ Nguyễn Văn Linh	192.675.000	-	10.500.000	-
+ Lê Sỹ Thành	100.755.187	-	5.000.000	-
+ Trần Ngọc Đạt	141.395.167	-	2.000.000	-
+ Nhân viên khác	76.881.334	-	116.068.300	-
- Phải thu ngắn hạn khác	25.842.390	-	-	-
b. Phải thu khác dài hạn	90.555.000	-	90.555.000	-
- Ký cược, ký quỹ	90.555.000	-	90.555.000	-
Cộng	1.123.133.838	-	241.314.700	-

5. DỰ PHÒNG/ NỢ XẤU**5.1 DỰ PHÒNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Công Ty TNHH Dược Phẩm Lâm Tường Phát	612.606.947	442.611.947	612.606.947	442.611.947
- Quầy Imexpharm	339.990.000	169.995.000	339.990.000	169.995.000
- Khách hàng khác	191.687.001	191.687.001	191.687.001	191.687.001
- Trả trước cho người bán	76.049.946	76.049.946	76.049.946	76.049.946
Cộng	612.606.947	442.611.947	612.606.947	442.611.947

5.2 NỢ XẤU

Đối tượng nợ	30/06/2021		01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	
- Từ 3 năm trở lên	- Quầy Imexpharm	191.687.001	-	191.687.001	-
	- Khách hàng khác	80.929.946	-	80.929.946	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	- Công Ty TNHH Dược Phẩm Lâm Tường Phát	339.990.000	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	- Công Ty TNHH Dược Phẩm Lâm Tường Phát	-	-	339.990.000	-
Cộng		612.606.947	-	612.606.947	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Nguyên liệu, vật liệu	10.599.568.954	-	6.932.469.104	-
- Công cụ, dụng cụ	89.227.644	-	5.032.365	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.204.604.254	-	2.098.936.332	-
- Thành phẩm	1.744.239.247	-	115.254.555	-
- Hàng hoá	8.585.539.008	(35.512.485)	5.361.642.060	(35.512.485)
- Hàng gửi bán	22.336.599	-	22.336.599	-
Cộng	26.245.515.706	(35.512.485)	14.535.671.015	(35.512.485)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	487.729.496	332.341.958
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	392.731.216	248.591.597
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.998.280	83.750.361
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.737.896.584	5.304.462.931
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	569.195.580	529.773.980
- Tiền thuê đất trả trước (*)	4.547.902.998	4.630.592.142
- Chi phí trả trước dài hạn khác	620.798.006	144.096.809
Cộng	6.225.626.080	5.636.804.889

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 163323 cấp ngày 10/08/2010 tại địa chỉ thửa đất số B-8-CN và B-7B-CN KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 41.657 m2. Thời hạn sử dụng đến tháng 01/2055.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (xem trang 34)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	75.626.184	319.090.900	394.717.084
- Thanh lý, nhượng bán	75.626.184	-	75.626.184
Tại ngày 30/06/2021	-	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	-	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 30/06/2021	-	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	75.626.184	-	75.626.184
Tại ngày 30/06/2021	-	-	-

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.090.900 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Hệ thống trong phòng sạch của công trình nhà xưởng sản xuất thuốc	5.667.053.636	5.413.914.545
Cộng	5.413.914.545	5.413.914.545

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	10.135.734.023	10.135.734.023	7.815.391.410	7.815.391.410
- Công ty TNHH SX TM DV XNK Huy Minh	-	-	1.669.269.000	1.669.269.000
- Công ty CP Dược Đồng Nai	1.134.000.000	1.134.000.000	-	-
- Bosch Pharmaceuticals Co.,Ltd	3.066.736.200	3.066.736.200	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	5.934.997.823	5.934.997.823	6.146.122.410	6.146.122.410
b. Phải trả cho bên liên quan	768.604.772	768.604.772	499.221.371	499.221.371
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Đông	-	-	1.234.992	1.234.992
- Công ty CP Dược Đại Nam	763.882.292	763.882.292	489.038.363	489.038.363
- Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	4.722.480	4.722.480	8.948.016	8.948.016
Cộng	10.904.338.795	10.904.338.795	8.314.612.781	8.314.612.781

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.969.491.691	786.314.523
- Công ty TNHH Dược Phẩm Mỹ Đức	250.000.000	200.000.000
- Bùi Thị Xuân Mai	935.768.792	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	783.722.899	586.314.523
b. Người mua trả tiền trước từ bên liên quan	-	131.170.000
- Công ty CP Dược Đại Nam	-	131.170.000
Cộng	1.969.491.691	917.484.523

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	30/06/2021
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Thuế GTGT được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.094.587.666	3.574.581.735	2.868.400.052	1.800.769.349
Cộng	1.094.587.666	3.574.581.735	2.868.400.052	1.800.769.349
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế TNDN	64.720.825	-	64.720.825	-
- Thuế TNCN	-	-	2.265.188	2.265.188
Cộng	64.720.825	-	66.986.013	2.265.188
c. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế GTGT	-	2.868.040.052	2.868.040.052	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	421.192.740	421.192.740	-
- Thuế TNDN	15.609.152	324.619.089	263.162.557	77.065.684
- Thuế TNCN	28.586.495	118.258.328	117.166.780	29.678.043
- Lệ phí môn bài	-	120.000.000	120.000.000	-
Cộng	44.195.647	3.852.110.209	3.789.562.129	106.743.727

(*) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau: Hoạt động bán dược phẩm : 5%; Hoạt động khác : 10%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc thanh tra thuế.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Phải trả lương người lao động	1.548.920.380	1.232.970.140
Cộng	1.548.920.380	1.232.970.140

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả khác ngắn hạn	3.751.880.149	4.326.607.732
- Kinh phí công đoàn	-	13.694.820
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	100.007.912
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.106.000.000	1.635.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.531.734.000	2.533.144.000
- Phải trả ngắn hạn khác	114.146.149	44.761.000
b. Phải trả khác dài hạn	410.379.168	651.789.168
- Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động	410.379.168	651.789.168
Cộng	4.162.259.317	4.978.396.900

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE
 Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Vay ngắn hạn	2.068.310.801	2.068.310.801	19.410.570.998	6.490.890.254	14.987.991.545	14.987.991.545
- Phạm Hồng Nhung	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	1.268.310.801	1.268.310.801	19.410.570.998	5.690.890.254	14.987.991.545	14.987.991.545
b. Vay dài hạn đến hạn trả	1.111.812.000	1.111.812.000	-	-	1.111.812.000	1.111.812.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.111.812.000	1.111.812.000	-	-	1.111.812.000	1.111.812.000
c. Vay dài hạn	3.025.835.896	3.025.835.896	649.895.274	555.906.000	3.119.825.170	3.119.825.170
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	4.137.647.896	4.137.647.896	649.895.274	555.906.000	4.231.637.170	4.231.637.170
- Vay dài hạn đến hạn trả	(1.111.812.000)	(1.111.812.000)	-	-	(1.111.812.000)	(1.111.812.000)
Cộng	6.205.958.697	6.205.958.697	20.060.466.272	7.046.796.254	19.219.628.715	19.219.628.715

* Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo	Mục đích
01/2020/3936886/ HĐTĐ ngày 19/8/2020	12 tháng	7,0%/năm	14.987.991.545	Hợp đồng cầm cố: - Số: 01/2020/3936886/HĐĐĐ ngày 20/02/2020; - Và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa bên vay và ngân hàng.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
01/2020/3936886/ HĐTĐ ngày 21/9/2020	60 tháng	10,2%/năm	3.246.208.170	Hợp đồng cầm cố: - Số: 01/2012/3936886/HĐĐĐ ngày 19/07/2012;	Thanh toán tiền cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng sạch.
01/2019/3936886/ HĐTĐ ngày 12/8/2019	60 tháng	9,5%/năm	570.000.000	- Số: 02/2012/3936886/HĐĐĐ ngày 22/11/2012;	Thanh toán tiền mua xe Ô tô Toyota Fortuner.
02/2019/3936886/ HĐTĐ ngày 23/9/2019	60 tháng	10,0%/năm	415.429.000	- Và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa bên vay và ngân hàng.	Thanh toán tiền mua Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn Điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đầu tư		Vốn góp thực tế tại ngày 30/06/2021	
	VNĐ	%	VNĐ	%
- Công ty CP Dược Đại Nam	40.402.000.000	67,34%	40.402.000.000	67,34%
- Công ty CP Dược Hậu Giang	1.826.000.000	3,04%	1.826.000.000	3,04%
- Các cổ đông khác	17.772.000.000	29,62%	17.772.000.000	29,62%
Cộng	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

17.2 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

17.3 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2020	60.000.000.000	24.103.060	(2.594.533.447)	57.429.569.613
- Lỗi trong kỳ	-	-	(3.807.597.973)	(3.807.597.973)
Tại ngày 30/06/2020	60.000.000.000	24.103.060	(6.402.131.420)	53.621.971.640
Tại ngày 01/01/2020	60.000.000.000	24.103.060	(14.086.676.180)	45.937.426.880
- Lỗi trong kỳ	-	-	(2.412.152.785)	(2.412.152.785)
- Trích quỹ	-	-	(7.933.616)	(7.933.616)
Tại ngày 30/06/2021	60.000.000.000	24.103.060	(16.506.762.581)	43.517.340.479

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****18.1. Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Dollar Mỹ (USD)	23,80	23,80

18.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>	<u>Nguyên nhân</u> <u>xóa sổ</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.353.900.744	1.353.900.744	Theo thỏa thuận xóa khoản hỗ trợ lãi vay của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu hồi được
- Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Không thu hồi được
- Các khoản trả trước cho người bán	118.101.704	118.101.704	Không thu hồi được
- Các khoản phải thu khách hàng	1.200.275.023	1.200.275.023	Không thu hồi được
Cộng	<u>3.568.137.464</u>	<u>3.568.137.464</u>	



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	2.497.136.143	4.822.980.637
- Doanh thu bán thành phẩm	27.620.889.315	17.241.807.101
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	335.946.461	423.254.657
Cộng	30.453.971.919	22.488.042.395
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	24.763.743	4.358.735
- Hàng bán bị trả lại	74.368.920	482.236.031
- Giảm giá hàng bán	9.072.000	-
Cộng	108.204.663	486.594.766
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.345.767.256	22.001.447.629

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Giá vốn hàng hoá đã bán	2.260.011.865	4.836.429.575
- Giá vốn thành phẩm đã bán	19.799.146.160	12.796.473.257
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	148.414.378	58.969.680
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	5.326.520.004	2.303.697.542
Cộng	27.534.092.407	19.995.570.054

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.185.968	683.078.721
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.829.600	-
Cộng	35.015.568	683.078.721

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí lãi vay	348.425.792	138.926.068
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.124.100	11.325.000
Cộng	395.549.892	150.251.068

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên	1.720.932.400	1.673.431.861
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.211.791	15.529.385
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.481.884	59.867.388
- Chi phí bằng tiền khác	255.704.522	181.218.316
Cộng	2.042.330.597	1.930.046.950

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên quản lý	2.281.211.284	2.435.480.307
- Chi phí đồ dùng văn phòng	659.856.796	603.868.722
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.839.496	212.814.816
- Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.331.814.300	1.432.232.077
Cộng	4.503.721.876	4.688.395.922

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.026.537.919	-
- Thu nhập khác	12.158.559	265.395.428
Cộng	2.038.696.478	265.395.428
Chi phí khác		
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	380.000
- Chi phí khác	19.110	(7.124.243)
Cộng	19.110	(6.744.243)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	2.038.677.368	272.139.671

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN**8.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
(Lỗ) trước thuế	(2.056.234.580)	(3.807.597.973)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	(2.056.234.580)	(3.807.597.973)
Thu nhập tính thuế	(2.056.234.580)	(3.807.597.973)
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(3.294.001.603)	(3.807.597.973)
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.237.767.023	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh chính	20%	20%
Hoạt động khác	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	324.619.089	-
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	77.065.684	-
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	247.553.405	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	324.619.089	-

8.2 CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.299.116	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.299.116	-

9. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.412.152.785)	(3.807.597.973)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(402)	(635)
Lãi suy giảm cổ phiếu	(402)	(635)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.756.723.976	10.573.076.162
- Chi phí nhân công	10.715.437.826	8.629.410.001
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.168.355.831	1.760.228.576
- Chi phí bằng tiền khác	3.497.677.238	2.659.514.201
Cộng	40.138.194.871	23.622.228.940

11. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

<i>Độ nhạy đối với lãi suất</i>	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VNĐ)</i>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021		
VNĐ	+100	(172.160.201)
VNĐ	-100	172.160.201
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
VNĐ	+100	(16.715.486)
VNĐ	-100	16.715.486

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

11.3 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Các khoản vay và nợ	16.099.803.545	3.119.825.170	19.219.628.715
- Phải trả người bán	10.904.338.795	-	10.904.338.795
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.784.380.149	410.379.168	4.194.759.317
Cộng	30.788.522.489	3.530.204.338	34.318.726.827
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
- Các khoản vay và nợ	3.180.122.801	3.025.835.896	6.205.958.697
- Phải trả người bán	8.314.612.781	-	8.314.612.781
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.075.275.742	651.789.168	5.727.064.910
Cộng	16.570.011.324	3.677.625.064	20.247.636.388

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và chi phí phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B09 - DN**

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021		31/12/2020		30/06/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	10.361.722.249	-	8.954.677.239	-	10.361.722.249	8.954.677.239
- Phải thu khác	1.123.133.838	-	241.314.700	-	1.123.133.838	241.314.700
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.003.608.623	-	4.534.410.115	-	2.003.608.623	4.534.410.115
TỔNG CỘNG	13.488.464.710	-	13.730.402.054	-	13.488.464.710	13.730.402.054
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	19.219.628.715	-	6.205.958.697	-	19.219.628.715	6.205.958.697
- Phải trả người bán	10.904.338.795	-	8.314.612.781	-	10.904.338.795	8.314.612.781
- Chi phí phải trả và phải trả khác	4.194.759.317	-	5.727.064.910	-	4.194.759.317	5.727.064.910
TỔNG CỘNG	34.318.726.827	-	20.247.636.388	-	34.318.726.827	20.247.636.388

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

2. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư phải thu/ (Phải trả)
- Công ty CP Dược Đại Nam	Công ty mẹ	Bán thành phẩm, hàng hóa	6.748.028.212	1.538.273.223
		Mua hàng hóa	220.420.268	(763.882.292)
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Đông	Bên liên quan	Bán hàng hóa	306.504.028	76.062.135
		Cung cấp dịch vụ	52.310.099	579.176.367
		Mua hàng hóa	1.122.727	-
- Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	159.775.040	(4.722.480)
- Lê Sỹ Thành	P. Giám đốc	Tạm ứng	95.755.187	100.755.187

Bên liên quan	Chức vụ	Thu nhập trong kỳ	Lương đã chi trả trong kỳ	30/06/2021	01/01/2021
- An Mạnh Hùng	Tổng GD	182.754.000	166.140.000	27.690.000	27.690.000
- Lê Sỹ Tuấn	GD sản xuất	271.800.000	264.591.000	44.098.500	44.098.500
- Nguyễn Hiền Phước	Giám đốc	284.472.234	270.771.565	48.923.855	80.000.000
Cộng		739.026.234	701.502.565	120.712.355	151.788.500

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VND	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hoá	2.497.136.143	2.260.011.865	237.124.278
- Doanh thu bán thành phẩm	27.512.684.652	25.125.666.164	2.387.018.488
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	335.946.461	148.414.378	187.532.083
Cộng	30.345.767.256	27.534.092.407	2.811.674.849

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

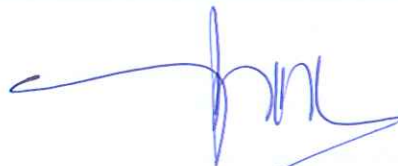
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2021



Kê toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

0068
ÔNG
Ổ PH
DƯỢC
NL
T-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG ENLIE
Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẤU B09 - DN

V.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2021	36.405.560.734	36.713.152.850	4.270.921.796	253.911.155	1.603.746.232	79.247.292.767
- Tăng trong kỳ	-	2.294.252.975	-	-	260.493.618	2.554.746.593
- Giảm trong kỳ	(923.130.250)	-	(938.739.143)	-	-	(1.861.869.393)
Tại ngày 30/06/2021	35.482.430.484	39.007.405.825	3.332.182.653	253.911.155	1.864.239.850	79.940.169.967
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2021	15.766.916.562	31.595.793.059	2.638.118.677	253.911.155	1.078.367.457	51.333.106.910
- Khấu hao trong kỳ	632.643.152	408.288.057	100.006.002	-	27.418.620	1.168.355.831
- Giảm trong kỳ	(561.570.896)	-	(938.739.143)	-	-	(1.500.310.039)
Tại ngày 30/06/2021	15.837.988.818	32.004.081.116	1.799.385.536	253.911.155	1.105.786.077	51.001.152.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	20.638.644.172	5.117.359.791	1.632.803.119	-	525.378.775	27.914.185.857
Tại ngày 30/06/2021	19.644.441.666	7.003.324.709	1.532.797.117	-	758.453.773	28.939.017.265

* Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 938.034.082 VND.
* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.995.333.063 VND

